

Số: 610/ĐHBL
V/v báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

Bạc Liêu, ngày 08 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu

Thực hiện công văn số 2574/STC-TCĐT ngày 03/10/2024 của Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu về việc phối hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

Trường Đại học Bạc Liêu báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo đề cương kèm theo Công văn số 10100/BTC-QLCS ngày 23/9/2024 của Bộ Tài chính như sau:

I. Về công tác quản lý nhà nước

1. Về công tác tổ chức phổ biến, tập huấn, tuyên truyền triển khai thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC:

Nhà trường đã thực hiện quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại đơn vị theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

- Đã tổ chức
- Chưa tổ chức

Trường hợp đã tổ chức thì đánh dấu “X” vào ô “Đã tổ chức” và nêu rõ hình thức, đối tượng, phạm vi phổ biến, tập huấn, tuyên truyền.

Trường hợp ngược lại thì đánh dấu “X” vào ô “Chưa tổ chức”.

2. Về ban hành các văn bản theo thẩm quyền được giao

2.1. Về việc ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để thống nhất quản lý (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4)

- Đã ban hành
- Chưa ban hành
- Không ban hành



Trường hợp đã ban hành thì đánh dấu “X” vào ô “Đã ban hành” đồng thời liệt kê văn bản đã ban hành.

UBND tỉnh Bạc Liêu đã ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý tỉnh Bạc Liêu theo Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 15/8/2024.

2.2. Về việc ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (quy định tại khoản 2 Điều 13)

- Đã ban hành
- Chưa ban hành

Trường hợp đã ban hành thì đánh dấu “X” vào ô “Đã ban hành” đồng thời liệt kê văn bản đã ban hành: Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý tỉnh Bạc Liêu.

2.3. Về quy định cụ thể thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình đối với tài sản cố định hữu hình được sử dụng ở địa bàn có điều kiện thời tiết, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến mức hao mòn của tài sản cố định (trường hợp cần thiết phải quy định thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định khác so với quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC) (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13)

- Đã ban hành
- Chưa ban hành
- Không ban hành

Trường hợp đã ban hành thì đánh dấu “X” vào ô “Đã ban hành” đồng thời liệt kê văn bản đã ban hành.

Trường hợp có tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC nhưng chưa ban hành thì đánh dấu “X” vào ô “Chưa ban hành”.

Trường hợp không có tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC thì đánh dấu “X” vào ô “Không ban hành”.

II. Về đánh giá nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Nhà trường thực hiện đúng các quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại đơn vị theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC; Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của UBND tỉnh Bạc Liêu ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý tỉnh Bạc Liêu và các quy định hiện hành khác.

Báo cáo đánh giá các nội dung kèm theo Mẫu số 01.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

Trân trọng ./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Văn Đàn



Mẫu số 01

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 23/2023/TT-BTC
NGÀY 25/4/2024 CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Đề cương Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC)

STT	Nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp <i>(theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC)</i>	Phù hợp <i>(giữ như quy định hiện hành)</i>	Đề nghị sửa đổi, bổ sung		Ghi chú
			Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do	
1	2	3	4	5	6
1	ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG <i>(quy định tại Điều 2)</i>	X			
2	Tiêu chuẩn tài sản cố định <i>(quy định tại Điều 3)</i>	X			
a)	Xác định là một tài sản <i>(quy định tại khoản 1 Điều 3)</i>	X			
b)	Tiêu chuẩn xác định là tài sản cố định <i>(quy định tại khoản 2 Điều 3)</i>	X			
c)	Tiêu chuẩn xác định là tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập <i>(quy định tại khoản 3 Điều 3)</i>	X			
3	Phân loại tài sản cố định <i>(quy định tại Điều 4)</i>	X			
a)	Phân loại tài sản cố định theo tính chất, đặc điểm tài sản <i>(quy định tại khoản 1 Điều 4)</i>	X			
b)	Phân loại theo nguồn gốc hình thành tài sản <i>(quy định tại khoản 2 Điều 4)</i>	X			
4	Nguyên tắc quản lý tài sản cố định <i>(quy định tại Điều 5)</i>	X			
5	Xác định nguyên giá, thay đổi nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định	X			
a)	Xác định nguyên giá tài sản cố định	X			
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình <i>(quy định tại Điều 6)</i>	X			
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định vô hình <i>(quy định tại Điều 7)</i>	X			
*	Xác định nguyên giá tài sản cố định đặc thù <i>(quy định tại Điều 8)</i>	X			
b)	Thay đổi nguyên giá tài sản cố định, xác định nguyên giá tài sản cố định trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản cố định <i>(quy định tại Điều 9, Điều 10)</i>	X			
c)	Xác định giá trị còn lại của tài sản cố định <i>(quy định tại Điều 16)</i>	X			

6	Phạm vi tài sản cố định tính hao mòn, khấu hao và nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định	X			
a)	Phạm vi tài sản cố định tính hao mòn, khấu hao (<i>quy định tại Điều 11</i>)	X			
b)	Nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản cố định (<i>quy định tại Điều 12</i>)	X			
7	Thời gian tính, tỷ lệ và phương pháp tính hao mòn tài sản cố định	X			
a)	Thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định (<i>quy định tại Điều 13</i>)	X			
b)	Phương pháp tính hao mòn tài sản cố định (<i>quy định tại Điều 14</i>)	X			
8	Quy định về trích khấu hao tài sản cố định tại đơn vị sự nghiệp công lập (<i>quy định tại Điều 15</i>)	X			
9	Quy định về xử lý chuyển tiếp trường hợp có nội dung thay đổi nêu trên (<i>về nguyên giá, giá trị, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn...</i>)	X			